|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2025/NĐ-CP | *Hà Nội, ngày tháng năm 2025* |

|  |
| --- |
| DỰ THẢO 3 |

## NGHỊ ĐỊNH

## Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của

## Luật Bảo hiểm xã hội về trợ cấp hưu trí xã hội

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 29 tháng 06 năm 2024;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Y tế;*

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về trợ cấp hưu trí xã hội.*

## Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

## Nghị định này quy định chi tiết về đối tượng và điều kiện hưởng trợ cấp hưu trí xã hội; mức trợ cấp hưu trí xã hội; trình tự, thủ tục thực hiện trợ cấp hưu trí xã hội và hướng dẫn thi hành về hỗ trợ chi phí mai táng; kinh phí thực hiện và chi trả trợ cấp hưu trí xã hội.

**Điều 2. Đối tượng và điều kiện hưởng trợ cấp hưu trí xã hội**

Đối tượng và điều kiện hưởng trợ cấp hưu trí xã hội theo quy định tại Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội, cụ thể như sau:

1. Công dân Việt Nam được hưởng trợ cấp hưu trí xã hội khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Từ đủ 75 tuổi trở lên;

b) Không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng, trừ trường hợp đang hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng thấp hơn mức trợ cấp hưu trí quy định tại Nghị định này;

c) Có văn bản đề nghị hưởng trợ cấp hưu trí xã hội.

2. Công dân Việt Nam từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và đáp ứng đủ điều kiện quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều này thì được hưởng trợ cấp hưu trí xã hội.

**Điều 3. Mức trợ cấp hưu trí xã hội**

1. Đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị định này được hưởng trợ cấp hưu trí xã hội hằng tháng mức 500.000 đồng/tháng.

2. Tùy theo điều kiện kinh tế - xã hội, khả năng cân đối ngân sách, huy động các nguồn lực xã hội, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định hỗ trợ thêm cho người hưởng trợ cấp hưu trí xã hội.

**Điều 4. Trình tự, thủ tục thực hiện trợ cấp hưu trí xã hội**

1. Trình tự, thủ tục thực hiện trợ cấp hưu trí xã hội theo quy định sau đây:

a) Người đề nghị trợ cấp hưu trí xã hội có văn bản đề nghị hưởng trợ cấp hưu trí xã hội theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định này gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trực thuộc tỉnh, thành phố nơi cư trú (sau đây gọi chung là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã);

b) Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị hưởng trợ cấp hưu trí xã hội, phòng Văn hoá - xã hội có trách nhiệm xem xét, phối hợp với Công an cấp xã thực hiện xác thực và chuẩn hoá thông tin của người đề nghị trợ cấp hưu trí xã hội với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định trợ cấp hưu trí xã hội;

c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản trình của phòng Văn hoá - xã hội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, ký quyết định trợ cấp hưu trí xã hội cho người đề nghị và thực hiện chi trả chế độ, chính sách theo quy định. Thời gian hưởng chế độ trợ cấp hưu trí xã hội hằng tháng tính từ thời điểm Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp xã ký quyết định.

Trường hợp đối tượng không đủ điều kiện hưởng thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Trường hợp đối tượng đang hưởng trợ cấp hưu trí xã hội thay đổi nơi cư trú thì có gửi văn bản đề nghị Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp xã nơi đang hưởng trợ cấp hưu trí xã hội.

Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp xã ra quyết định thôi chi trả trợ cấp hưu trí xã hội và gửi văn bản kèm theo giấy tờ có liên quan đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú mới.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú mới căn cứ các giấy tờ liên quan quyết định tiếp tục trợ cấp hưu trí xã hội hằng tháng cho đối tượng và thực hiện chi trả chính sách. Thời gian hưởng chế độ trợ cấp hưu trí xã hội tính từ tháng kế tiếp thời điểm thôi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội ở nơi cư trú cũ.

3. Trường hợp đối tượng hưởng trợ cấp hưu trí xã hội hằng tháng bị chết hoặc không đủ điều kiện hưởng trợ cấp hưu trí xã hội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thôi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội. Thời gian thôi hưởng chế độ trợ cấp hưu trí xã hội ngay sau tháng đối tượng hưởng trợ cấp hưu trí xã hội chết hoặc không đủ điều kiện hưởng trợ cấp hưu trí xã hội.

**Điều 5. Hỗ trợ chi phí mai táng**

1. Đối tượng đang hưởng trợ cấp hưu trí xã hội hằng tháng khi chết thì tổ chức, cá nhân lo mai táng được nhận hỗ trợ chi phí mai táng với mức là 10.000.000 đồng.

2. Trình tự thực hiện hỗ trợ chi phí mai táng theo quy định tại Nghị định số 63/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định việc thực hiện liên thông điện tử 02 nhóm thủ tục hành chính: đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi; đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử tuất. Khi gửi hồ sơ thực hiện liên thông các thủ tục hành chính giải quyết mai táng phí thì sử dụng Tờ khai điện tử theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 63/2024/NĐ-CP (đánh dấu vào phần dành cho đối tượng đang hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng).

**Điều 6. Kinh phí thực hiện và chi trả trợ cấp hưu trí xã hội**

1. Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách trợ cấp hưu trí xã hội thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

2. Kinh phí thực hiện chi trả trợ cấp hưu trí xã hội thực hiện theo quy định tại Điều 34 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

**Điều 7. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Điểm b và điểm c khoản 5 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực.

3. Đối tượng quy định tại điểm b và điểm c khoản 5 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP đang hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng mà đủ điều kiện hưởng trợ cấp hưu trí xã hội thì được chuyển sang hưởng trợ cấp hưu trí xã hội kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực. Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp xã căn cứ danh sách và hồ sơ của đối tượng đang hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng quyết định chế độ trợ cấp hưu trí xã hội theo quy định tại Nghị định này.

4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Ban Bí thư Trung ương Đảng; - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ; - Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; - HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; - Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;  - Văn phòng Tổng Bí thư; - Văn phòng Chủ tịch nước; - Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội; - Văn phòng Quốc hội; - Tòa án nhân dân tối cao; - Viện kiểm sát nhân dân tối cao;  - Kiểm toán nhà nước; - Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; - Cơ quan trung ương của các đoàn thể; - VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT,  các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo; - Lưu: VT, KGVX (2b). | **TM. CHÍNH PHỦ**  **THỦ TƯỚNG**    **Phạm Minh Chính** |

**Mẫu số 01**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**   
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI HƯỞNG TRỢ CẤP HƯU TRÍ XÃ HỘI**

*(Áp dụng cho đối tượng đề nghị hưởng trợ cấp hưu trí xã hội; đề nghị nhận trợ cấp hưu trí xã hội tại nơi cư trú mới; đề nghị điều chỉnh, thay đổi thông tin của người đang hưởng trợ cấp hưu trí xã hội; đề nghị thôi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội)*

|  |  |
| --- | --- |
| **Kính gửi:** | Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu……………… |

Sau khi tìm hiểu quy định về trợ cấp hưu trí xã hội, tôi đề nghị:

🞎 Đề nghị hưởng trợ cấp hưu trí xã hội

🞎 Đề nghị nhận trợ cấp hưu trí xã hội tại nơi cư trú mới

🞎 Đề nghị điều chỉnh, thay đổi thông tin của người đang hưởng trợ cấp hưu trí xã hội

🞎 Đề nghị thôi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội

Cụ thể:

**I. Thông tin người đề nghị trợ cấp hưu trí xã hội**

1. Họ và tên *(Viết chữ in hoa). ...............................................................................*

2. Ngày/tháng/năm sinh: .../... / .... Giới tính: …………….. Dân tộc: ...................

3. Giấy Căn cước hoặc Căn cước công dân số…………… Cấp ngày .../ ..............

Nơi cấp: .................................................................................................................

4. Nơi cư trú: ...........................................................................................................

5. Địa chỉ liên lạc:…………………………………………………………………

6. Số điện thoại:………………………………………………………………

7. Chế độ, chính sách đang hưởng (nếu có):

Lương hưu/Trợ cấp BHXH hàng tháng: ...........đồng. Hưởng từ tháng ……/……

Trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng: ………. đồng. Hưởng từ tháng ……....../.......

Trợ cấp ưu đãi người có công hàng tháng: ……….. đồng. Hưởng từ tháng...../…

Trợ cấp, phụ cấp hàng tháng khác: ………….. đồng. Hưởng từ tháng ……/……

9. Tình trạng hộ

Hộ nghèo □ Hộ cận nghèo □ Không thuộc hộ nghèo, cận nghèo □

11. Nơi nhận trợ cấp hưu trí xã hội:………………………………………………

12. Thông tin tài khoản ngân hàng đăng kí nhận trợ cấp hưu trí xã hội chủ tài khoản là người hưởng trợ cấp hưu trí xã hội ):

- Tên tài khoản:………………………………………………………………….

- Số tài khoản:…………………………………………………………………..

- Ngân hàng:…………………………………………………………………….

13. Thay đổi thông tin người nhận trợ cấp hưu trí xã hội *(phần dành cho đề nghị nhận trợ cấp hưu trí xã hội tại nơi cư trú mới; đề nghị điều chỉnh, thay đổi thông tin của người đang hưởng trợ cấp hưu)*

- Nơi cư trú mới:………………………………………………………………..

- Thông tin tài khoản ngân hàng đăng kí nhận trợ cấp hưu trí xã hội *(chủ tài khoản là đối tượng hưởng chính sách trợ cấp hưu trí xã hội)*

- Tên tài khoản:………………………………………………………………….

- Số tài khoản:…………………………………………………………………..

- Ngân hàng:…………………………………………………………………….

**II. Thông tin người giám hộ, người được uỷ quyền**

- Họ và tên:………………………………………………………………………..

- Ngày tháng năm sinh:……………………………………………………………

- Giấy Căn cước hoặc Căn cước công dân số…………… Cấp ngày........../….….

Nơi cấp: ..................................................................................................................

- Địa chỉ liên hệ:…………………………………………………………………..

- Số điện thoại:…………………………………………………………………….

- Quan hệ với người đề nghị hưởng trợ cấp hưu trí xã hội:……………………….

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thực, nếu có điều gì khai không đúng, tôi xin chịu trách nhiệm hoàn toàn.

|  |  |
| --- | --- |
| *Ngày .... tháng .... năm ...* **NGƯỜI NHẬN**  *(Ký, ghi rõ họ tên)* | *Ngày .... tháng .... năm .....*  **NGƯỜI ĐỀ NGHỊ**  *(Ký, ghi rõ họ tên)* |

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |